

Bản án số: 140/2023/HS-ST
Ngày 31-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Thu Hà.

Ông Đỗ Văn Cảnh.

Ông Nguyễn Đình Ly.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Minh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (điểm cầu trung tâm) và Nhà tạm giữ - Công an thành phố Z1, tỉnh Bình Dương (điểm cầu thành phần) xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

DA sinh ngày 12 tháng 3 năm 1996 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: xã W, huyện Z, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: phòng trọ số 02, số 4A/5H, khu phố J1, phường W1, thành phố Z1, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông BD và bà TS; chưa có vợ, con; tiền án: ngày 09 tháng 02 năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2015/HSST); tiền sự: không; nhân thân: ngày 14 tháng 6 năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Z2, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2013/HSST); bị bắt, tạm giam từ ngày 03 tháng 7 năm 2022 đến nay; hiện

đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an thành phố Z1, tỉnh Bình Dương (có mặt tại điểm cầu thành phần (Nhà tạm giữ - Công an thành phố Z1, tỉnh Bình Dương)).

- *Người bào chữa cho bị cáo DA:* Bà TMP là Luật sư Văn phòng Luật sư MP thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt tại điểm cầu thành phần (Nhà tạm giữ - Công an thành phố Z1, tỉnh Bình Dương)).

- *Bị hại:* Ông TVC sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: Thôn 8, xã W3, huyện Z3, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: số 3B/5H, khu phố J1, phường W1, thành phố Z1, tỉnh Bình Dương (có mặt tại điểm cầu trung tâm).

- *Người làm chứng:*

1. Ông T sinh năm 1997 (vắng mặt).
2. Ông VVĐ sinh năm 1976 (vắng mặt).
3. Bà NTH sinh năm 1975 (vắng mặt).
4. Ông VTN sinh năm 1998 (vắng mặt).

- *Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần:* Trung tá Phạm Văn Đông là cán bộ Nhà Tạm giữ - Công an thành phố Z1, tỉnh Bình Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 03 tháng 7 năm 2022, bị cáo DA được một người bạn làm bốc xếp chung (không rõ họ tên, địa chỉ) rủ sang phòng trọ số 04 cùng dãy nhà trọ tại số 4A/5H, khu phố J1, phường W1, thành phố Z1, tỉnh Bình Dương uống bia với ông T và một số người khác. Trong lúc uống bia, bị cáo A và ông T mâu thuẫn dẫn đến xô xát. Bị cáo A về phòng trọ số 02 của mình lấy một cái ghế nhựa đi sang đánh ông T, bị ông T cùng những người uống bia chung dùng tay, chân đánh lại nên chạy về phòng trọ lấy dao (dài 52cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn dài 38cm, cán bằng gỗ dài 14cm) quay lại phòng trọ số 04 để chém ông T. Không thấy ông T, bị cáo A cầm dao đi tìm quanh dãy nhà trọ, đến tiệm tạp hóa của ông VVĐ thì thấy ông TVC (mặc áo thun màu xanh giống ông T) nên cầm dao chém ông C. Ông C chạy vào bên trong tiệm tạp hóa, bị cáo A đuổi theo, chém liên tiếp nhiều nhát (hướng từ trên xuống dưới) vào vùng đầu của ông C nhưng ông C tránh được (không trúng vùng đầu mà trúng một nhát vào vùng cổ đến góc hàm trái của ông C). Ông C giữ được tay cầm dao của bị cáo A, giằng co và đẩy bị cáo A ra ngoài rồi bỏ chạy. Bị cáo A tiếp tục cầm dao đuổi theo. Do chạy vào đường cụt, ông C chạy quay lại tiệm tạp hóa để trốn nhưng cửa tiệm đã bị đóng nên ông C không vào được và ngã trước cửa tiệm. Bị cáo A đuổi kịp và chém một nhát vào cổ tay trái của ông C. Ông Đ

cùng những người xung quanh đến can ngăn, đưa ông C đi cấp cứu. Riêng bị cáo A bỏ chạy và bị lực lượng tuần tra của Công an phường W1 bắt giữ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 591/2022/GĐPY ngày 19 tháng 8 năm 2022, Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Dương – Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại TVC như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: vết thương vùng cổ trái đến góc hàm trái 7,5 x 0,3cm, vỡ xương hàm dưới vùng góc hàm trái đã cal, sẹo lành; vết thương cổ tay trái 5,5 x 0,1cm, đứt gân gấp cổ tay quay gân duỗi ngón 2, 3, 4, 5 gân duỗi dài ngón 1, gãy mỏ đầu dưới xương quay trái đã phẫu thuật nối gân, vết mổ 7 x 0,3cm, sẹo lành, còn hạn chế gấp duỗi cổ - bàn tay trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 18% (mười tám phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: vết thương vùng cổ trái đến góc hàm trái, vỡ xương hàm dưới vùng góc hàm trái: chiều nằm ngang, hướng từ trái sang phải, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra; vết thương cổ tay trái, đứt gân gấp cổ tay quay, gân duỗi ngón 2, 3, 4, 5, gân duỗi dài ngón 1, gãy mỏ đầu dưới xương quay tay trái: bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Ông TVC yêu cầu bị cáo A bồi thường chi phí điều trị thương tích 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Vật chứng cơ quan Công an thu giữ: 01 (một) dao (dài 52cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn dài 38cm, cán bằng gỗ dài 14cm).

Tại Cáo trạng số 163/CT-VKSBD-P2 ngày 03 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định truy tố bị cáo DA về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo A đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng như bị hại C yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm như sau:

Bị cáo A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình (phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án) là do hiểu lầm bị hại C là ông T nên đã dùng dao (là hung khí nguy hiểm) chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng đầu là vùng trọng yếu trên cơ thể bị hại C nhưng bị hại C đỡ và tránh được nên chỉ trúng vào vùng cổ và tay của bị hại C. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, quyết liệt, tiếp tục đuổi chém và chém gây thương tích khi bị hại bỏ chạy. Bị hại C không chết, chỉ bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể 18% là ngoài ý muốn của bị cáo. Vì vậy, bị cáo phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên có tình tiết giảm nhẹ theo quy định

tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo A từ 09 năm đến 10 năm tù.

Căn cứ các điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 13, 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo DA phải bồi thường thiệt hại cho bị hại C 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, tịch thu, tiêu hủy một dao là công cụ mà bị cáo A sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, đã hết giá trị sử dụng và tuyên bị cáo A phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo A không tự bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo A phát biểu: Người bào chữa thay bị cáo xin lỗi, chia sẻ tổn thất với bị hại C và thống nhất về hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo mà Kiểm sát viên đã phát biểu. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính côn đồ của bị cáo là do phạm tội trong hoàn cảnh cơ thể có chất kích thích, không làm chủ được mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp, thiếu hiểu biết. Bị cáo không biết luật nên không đóng án phí nên chưa được xóa án tích. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để có bản án thấu tình đạt lý đối với bị cáo, cho bị cáo hình phạt ở mức thấp nhất so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm về với gia đình làm người công dân có ích cho xã hội, có thời gian cải tạo, giáo dục làm người tốt.

Bị cáo A bổ sung ý kiến: Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận.

Bị cáo A nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình sai trái, đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét xử vắng mặt những người làm chứng là ông VVD, bà NTH, ông T và ông VTN vì sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo DA thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng thu được và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 03 tháng 7 năm 2022, xuất phát từ mâu thuẫn với ông T bị cáo A cầm một dao (dài 52cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn dài 38cm, cán bằng gỗ dài 14cm) tìm ông T để chém. Do không nhớ rõ mặt ông T nên khi gặp bị hại TVC (mặc áo thun màu xanh giống ông T) tại tiệm tạp hóa của ông VVD, bị cáo A đã cầm dao chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng đầu của bị hại C nhưng bị hại C đỡ nên chỉ trúng vào vùng cổ và tay trái của bị hại C. Khi bị hại C chạy thì bị cáo A tiếp tục đuổi và chém bị hại C khi bị hại C đã ngã. Hậu quả làm bị hại C bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18% (mười tám phần trăm).

[4] Hành vi của bị cáo A có tính chất côn đồ, sử dụng dao dài (lưỡi bằng kim loại sắc, nhọn) là hung khí nguy hiểm chém liên tục nhiều nhát vào vùng đầu là vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại C. Khi bị hại C chạy thoát, bị cáo A tiếp tục đuổi để chém vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại C thể hiện quyết tâm tước đoạt mạng sống của bị hại C. Bị hại C đỡ được một phần trong những nhát chém của bị cáo A, không chết, chỉ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 18% (mười tám phần trăm) là ngoài ý muốn của bị cáo A. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương căn cứ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) truy tố bị cáo A về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Bị cáo A có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tính mạng của bị hại, gây thương tích cho bị hại, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên phải bị nghiêm trị để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Bị cáo A phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo A là người dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã đồng ý bồi thường cho bị hại C 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Ngày 14 tháng 6 năm 2013, bị cáo A bị Tòa án nhân dân huyện Z2,

tỉnh Kiên Giang xét xử và ban hành Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2013/HSST phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm ngày 15 tháng 4 năm 2014, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06 tháng 5 năm 2014. Ngày 07 tháng 01 năm 2015, bị cáo A có hành vi trộm cắp tài sản có trị giá 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng là dưới định lượng cấu thành tội phạm nhưng do có tiền án ngày 14 tháng 6 năm 2013 nên ngày 09 tháng 02 năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Kiên Giang xét xử và ban hành Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2015/HSST, phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (không xác định bị cáo tái phạm), chấp hành xong hình phạt tù ngày 07 tháng 10 năm 2015, đến nay chưa nộp án phí. Vì 01 lần bị cáo A bị kết án được sử dụng làm yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, xác định bị cáo có nhân thân bị xử phạt vào ngày 14 tháng 6 năm 2013 và có tiền án bị xử phạt ngày 09 tháng 02 năm 2015.

[8] Bị cáo A có 01 tiền án nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Cân nhắc hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn.

[10] Hành vi phạm tội của bị cáo A gây thương tích làm bị hại C phải điều trị nên bị cáo A phải bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại C. Tại phiên tòa, bị cáo A đồng ý bồi thường và thống nhất với bị hại C số tiền bồi thường là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

[11] 01 (một) dao (dài 52cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn dài 38cm, cán bằng gỗ dài 14cm) là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên phải tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo và việc giải quyết vụ án có phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Quan điểm của người bào chữa về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt đối với bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo bị kết án, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều

136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo DA phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; Điều 57; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo DA 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2022.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 13, 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo DA bồi thường cho bị hại TVC chi phí điều trị thương tích 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự với lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao (dài 52cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn dài 38cm, cán bằng gỗ dài 14cm).

Bị cáo DA phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000 (ba triệu, năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án (2);
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú, tạm trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án. THMĐ. (21).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh